

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và ông Nguyễn Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Giang - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

-Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST - HNGĐ ngày 06/01/2025 về việc “kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025.

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm: 1995 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Lý Văn L** sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cùng HKTT: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu **Lý Khánh C**, sinh ngày 09/5/2014 (Vắng mặt).

2. Cháu **Lý Tùng B**, sinh ngày 27/11/2019 (Vắng mặt).

3. Cháu **Lý Ngọc Khánh H1**, sinh ngày 04/9/2024 (Vắng mặt).

Cùng HKTT: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu: Chị Phạm Thị Thu H và anh Lý Văn L là bố mẹ đẻ các cháu.

Người làm chứng:

1. Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

HKTT: Thôn S, xã L, huyện V, tỉnh H.

2. Bà **Lê Thị Thu Y**, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

HKTT: Thôn Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh L có thời gian khoảng hơn 1 năm làm quen và tìm hiểu. Ngày 24/9/2013, chị và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh H trên tinh thần cả hai bên cùng tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối.

Sau ngày cưới, chị và anh L chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh L tại Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh H khoảng 01 năm, sau đó anh L đi học tại trường Cao đẳng sĩ quan Lục Quân khoảng 03 năm trong thời gian anh L đi học chị về nhà mẹ đẻ ở, đến khoảng tháng 06 năm 2020 anh L học xong thì anh, chị cùng thuê trọ tại thôn K sinh sống và làm ăn. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi bời mắc nợ nhiều, mẹ anh L và chị đã khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau có lần vợ chồng cãi nhau căng thẳng anh L đánh chị.

Ngoài ra, tháng 9/2024 chị biết được anh L có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị không biết cụ thể họ tên, địa chỉ của người này, chị hỏi nhưng anh L không nhận. Nhiều lần giữa anh L với chị xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì việc này. Anh L vẫn tiếp tục mối quan hệ với người đó nên mâu thuẫn giữa anh, chị ngày càng trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn.

Do mâu thuẫn căng thẳng anh, chị ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Thịnh thoảng anh L về đón các con đi ăn, đi chơi nhưng chị và anh L không nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến nhau

Đến nay chị xác định vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Lý Ngọc Khánh H1, sinh ngày 04/9/2024. Hiện các cháu đang ở cùng với chị.

Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 03 cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lý Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh xác nhận nội dung chị H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm đến khoảng tháng 9/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và áp lực về kinh tế. Anh, chị không có tiếng nói chung, chị H không nhất trí cho anh đi làm nghề lái xe mà luôn muốn anh làm việc gần nhà để tiện trông con. Mặt khác anh cũng gặp khó khăn trong công việc nên cũng có nợ nần. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Thêm vào đó chị H luôn nghi ngờ anh có mối quan hệ khác ở bên ngoài nhưng không phải như vậy. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2024, anh và chị H ly thân từ đó, đến nay. Anh vẫn về đón các con đi ăn, đi chơi nhưng vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn.

Hiện anh, chị vẫn đang ly thân, chị H xin ly hôn anh không nhất trí vì các con còn quá nhỏ cần phải có cả bố và mẹ chăm sóc nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như chị H đã trình bày. Hiện các cháu đang ở cùng chị H.

Nếu ly hôn, anh nhất trí giao 03 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chủ động cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H theo điều kiện của bản thân, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Lý Khánh C - con chung của anh L và chị H trình bày: Quá trình chung sống, cháu nhiều lần thấy bố mẹ cháu cãi nhau, bản thân cháu cũng đã khuyên can bố mẹ cháu nhiều lần, ông bà cũng khuyên bảo nhưng bố mẹ cháu vẫn cãi nhau. Từ tháng 11/2024 cháu không thấy bố ngủ lại ở nhà, bố cháu không ở cùng với mẹ con cháu nữa. Từ lâu rồi cháu không thấy bố mẹ cháu nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng bố cháu đón cháu và em B đi chơi, gọi điện cho cháu. Cháu không biết lý do tại sao bố mẹ cháu lại cãi nhau và không nói chuyện

với nhau nữa. Nếu bố mẹ cháu không thể cùng chung sống, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Người làm chứng bà Lê Thị Thu Y là mẹ đẻ anh L trình bày:

Khoảng năm 2021, anh L có chơi bời và báo nợ về nhà, bà phải bán đất để trả nợ cho anh L, vì việc này anh L và chị H đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Ngoài ra, bà cũng có nghe chị H khóc và tâm sự với bà là anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài do đó tình cảm vợ chồng anh chị không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Bà đã tham gia với anh L, chị H nhiều lần nhưng anh, chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Đến tháng 11/2024, vợ chồng anh chị cãi nhau căng thẳng, anh L chuyển về sống với bà, anh L, chị H sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng bà không liên quan gì tới tài sản chung, công nợ của anh chị.

Người làm chứng bà Lê Thị K là mẹ đẻ chị H trình bày:

Khoảng cuối năm 2020 anh L và chị H đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị H có gọi điện về nhà khóc, nói là vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh L chơi bời và báo nợ về nhà nhiều lần. Bà đã khuyên bảo anh, chị tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh, chị vẫn tiếp tục diễn ra, anh chị cãi nhau thường xuyên hơn có lần anh L đánh chị H. Chị H tâm sự với bà anh L không tu chí làm ăn chơi bời và nợ nần nhiều. Thêm vào đó, anh L còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài do đó tình cảm vợ chồng anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn không giải quyết được, thường xuyên cãi nhau.

Đến tháng 11/2024, vợ chồng anh chị cãi nhau căng thẳng, anh L và chị H đã sống ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay, anh L cũng không đến nhà bà xin lỗi hay có một lời nói nào, chị H nói với bà hai vợ chồng anh chị không nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Kết quả xác minh tại thôn Khúc Tháp thể hiện: Anh L và chị H kết hôn hợp pháp tại UBND xã P ngày 14/10/2013. Anh chị có 03 con chung. Quá trình chung sống tại địa phương, anh L, chị H có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Từ tháng 11/2024 đến nay anh chị sống ly thân.

Quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tiến hành phiên hòa giải. Anh L và chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị H xin ly hôn, anh L xin đoàn tụ vì các con còn nhỏ, vì vậy phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên toà:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh L. Về con chung chị đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Lý Ngọc Khánh H1, sinh ngày 04/9/2024

theo thỏa thuận giữa chị và anh L. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về công sức, tài sản chung, công nợ và đất nông nghiệp chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người làm chứng chấp hành đúng quy định tại Điều 77, 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H xử cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung: Xử giao cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Lý Ngọc Khánh H, sinh ngày 04/9/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 /NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chị H phải nộp toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03/12/2024 chị H gửi trực tiếp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, Tòa án đã thực hiện thủ tục hòa giải viên nhưng chị H từ chối,

ngày 06/01/2025 Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của chị H, như vậy việc thụ lý của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lý Văn L đang sinh sống tại xã P, huyện V, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn anh L, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Lê Thị Thu Y, bà Lê Thị K vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển số 01/2013 của UBND xã Phụng Công đã xác định: Chị H và anh L đăng ký kết hôn ngày 24/9/2013 tại UBND xã P việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống chị H, anh L đều thừa nhận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai bên gia đình đã động viên khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được và ngày một trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi nhau có lần xảy ra xô xát. Từ tháng 11 năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (con chung của anh L, chị H), người làm chứng (mẹ anh L mẹ chị H) và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không thể đoàn tụ được. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị H đã không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh L và chị H không thể đoàn tụ hạnh phúc được theo đề nghị của anh L, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh L để anh, chị và các con ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung:

Anh Lâm và chị H có 3 con chung là cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Lý Ngọc Khánh H1, sinh ngày 04/9/2024 từ khi anh L, chị H ly thân chị H chăm sóc nuôi dưỡng 3 cháu.

Ly hôn, chị H đề nghị giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh L đồng ý. Căn cứ vào ý kiến của anh L, chị H HĐXX giao chị H trực tiếp trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2024 cháu Lý Ngọc Khánh H1, sinh ngày 04/9/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức*: Anh L và chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Điều 24; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H, cho chị Hiền được ly hôn anh Lý Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Khánh C, sinh ngày 09/5/2014, cháu Lý Tùng B, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Lý Ngọc Khánh H1, sinh ngày 04/9/2024 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003068 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Thu Giang